

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	6-7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10-28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Mua bán xe ô tô, phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị; dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô, xe gắn máy và máy móc thiết bị.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 180.000.000.000 VND

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2017: 180.000.000.000 VND

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông	: Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT
Ông	: Trần Lâm	Thành viên
Ông	: Trần Trung Chánh	Thành viên
Ông	: Võ Thanh Phong	Thành viên
Ông	: Nim Vuồn Phu	Thành viên

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

Ông	: Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông	: Nguyễn Đăng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	: Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà	: Lê Thị Phú	Giám đốc tài chính

Ban kiểm soát gồm:

Bà	: Phạm Thị Mỹ Dung	Trưởng ban
Bà	: Nguyễn Thị Tâm	Thành viên
Bà	: Lê Thị Thương Thương	Thành viên

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2017. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2017

TM. BAN GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TRUNG CHÁNH

Số: ~~454~~ /BCSX/TC/2017/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần City Auto**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2017, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 07 tháng 8 năm 2017

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám Đốc****LÊ VĂN TUẤN**

Số Giấy CNĐKHNKT số 0479-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		316.136.838.527	284.500.915.717
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	6.694.619.214	4.772.989.939
1. Tiền	111		6.694.619.214	4.772.989.939
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		167.232.252.078	131.167.785.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	100.128.851.625	101.495.301.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	31.010.062.274	11.401.793.584
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	35.724.189.101	17.901.540.687
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	369.149.078	369.149.078
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	139.434.840.702	142.767.116.991
1. Hàng tồn kho	141		140.755.395.189	144.087.671.478
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.320.554.487)	(1.320.554.487)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.775.126.533	5.793.023.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	2.145.687.190	1.666.994.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	629.439.343	4.126.029.581
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. Tài sản dài hạn	200		187.844.029.715	188.740.412.667
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		32.110.675.499	32.355.425.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	32.110.675.499	32.355.425.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		101.199.621.296	99.815.972.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.177.146.673	15.793.497.822
- Nguyên giá	222		26.714.130.968	24.259.938.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.536.984.295)	(8.466.441.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.022.474.623	84.022.474.623
- Nguyên giá	228		84.307.324.623	84.307.324.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(284.850.000)	(284.850.000)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.096.909.091	2.627.200.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.096.909.091	2.627.200.000
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		51.500.000.000	51.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	51.500.000.000	51.500.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		1.936.823.829	2.441.814.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	1.936.823.829	2.441.814.723
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		503.980.868.242	473.241.328.384

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		296.478.609.714	270.456.573.010
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		296.478.609.714	268.817.489.374
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	17.261.040.012	16.662.599.801
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.147.347.228	9.630.321.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	890.162.959	2.512.520.794
4. Phải trả người lao động	314		2.534.736.211	5.053.254.234
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	4.364.105.938	1.342.410.298
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	11.099.002.918	6.162.838.749
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	247.045.697.250	226.433.026.876
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.136.517.198	1.020.517.198
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		-	1.639.083.636
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	-	1.639.083.636
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.17	207.502.258.528	202.784.755.374
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		207.502.258.528	202.784.755.374
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.727.191.566	2.727.191.566
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.775.066.962	20.057.563.808
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.057.563.808	(1.649.442.002)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.717.503.154	21.707.005.810
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		503.980.868.242	473.241.328.384

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2017



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.069.381.270.487	949.734.803.539
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.266.836.363	11.818.182
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.058.114.434.124	949.722.985.357
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.010.852.853.316	885.710.466.587
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.261.580.808	64.012.518.770
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.328.420	18.221.600
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	7.126.248.283	3.942.652.487
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.126.248.283	3.942.652.487
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	37.118.162.006	39.617.871.586
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	14.115.323.128	9.029.044.451
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.092.824.189)	11.441.171.846
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	15.347.507.409	5.855.497.501
12.	Chi phí khác	32	VI.08	735.154.944	84.600.000
13.	Lợi nhuận khác	40		14.612.352.465	5.770.897.501
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.519.528.276	17.212.069.347
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	441.108.758	2.017.654.166
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		(1.639.083.636)	(218.518.182)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.717.503.154	15.412.933.363

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2017





Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.519.528.276	17.212.069.347
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.708.703.609	1.280.090.571
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	583.770.111	(83.397.958)
Chi phí lãi vay	06	7.126.248.283	3.942.652.487
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.938.250.279	22.351.414.447
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(32.323.126.763)	(9.032.288.279)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	3.332.276.289	(4.310.680.180)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.533.601.654	868.277.484
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	26.297.833	(1.252.654.460)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.126.248.283)	(3.942.652.487)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.042.260.446)	(525.530.378)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	150.000.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.000.000)	(2.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.545.209.437)	4.153.386.147
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.614.796.445)	(5.422.626.972)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.463.636.363	897.272.727
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.328.420	18.221.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.145.831.662)	(4.507.132.645)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	911.350.309.750	517.934.176.500
Tiền trả nợ gốc vay	34	(890.737.639.376)	(508.435.997.424)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(9.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.612.670.374	498.179.076
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.921.629.275	144.432.578
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.772.989.939	10.424.713.765
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.694.619.214	10.569.146.343

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2017



Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2017

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: dịch vụ cứu hộ cứu nạn;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2017, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

“đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

10- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khối ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.276.244.226	1.231.796.698
Tiền gửi ngân hàng	5.418.374.988	3.541.193.241
Cộng	6.694.619.214	4.772.989.939
2. Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	87.800.723.082	93.452.811.065
- Phải thu các Bên liên quan		
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	4.243.375.510	68.129.820
+ Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	138.659.558	383.271.806
+ Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	7.946.093.475	7.591.089.037
Cộng	100.128.851.625	101.495.301.728
3. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	30.194.102.195	10.632.534.676
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	815.960.079	769.258.908
Cộng	31.010.062.274	11.401.793.584
4. Phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	11.927.947.739	8.671.418.177
- Phải thu khác từ Công ty TNHH TM Lâm Long	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu khác từ Ông Trần Trung Chánh	941.544.000	-
- Phải thu khác các Bên liên quan		
+ Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	1.870.155.868	1.873.206.162
+ Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	1.009.888	1.005.633
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	18.380.000.000	5.000.000.000
- Các khoản tạm ứng	1.306.974.191	1.061.384.211
- Ký quỹ ngắn hạn khác	60.014.560	20.014.560
- Các khoản phải thu khác	236.542.855	274.511.944
Cộng	35.724.189.101	17.901.540.687
b) Dài hạn		
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	28.034.102.400	28.034.102.400
- Ký quỹ dài hạn khác	4.076.573.099	4.321.323.099
Cộng	32.110.675.499	32.355.425.499

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Tạm ứng ở CN Bà Rịa	34.700.651	-	34.700.651	-
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	8.999.525	-	8.999.525	-
- Hàng tồn kho ở kho Nha Trang	325.448.902	-	325.448.902	-
Cộng	369.149.078	-	369.149.078	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	4.017.198	-	3.278.104	-
- Chi phí sản xuất dở dang	1.156.642.140	-	1.054.610.564	-
- Hàng hóa (6.1)	139.594.735.851	(1.320.554.487)	143.029.782.810	(1.320.554.487)
Cộng	140.755.395.189	(1.320.554.487)	144.087.671.478	(1.320.554.487)

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe mới các loại	118.498.469.172	121.508.419.169
Xe cũ các loại	727.272.727	1.872.727.272
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh	13.062.042.219	12.411.195.890
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu	2.061.389.193	1.798.081.987
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa	5.245.562.540	5.439.358.492
Cộng	139.594.735.851	143.029.782.810

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	(1.320.554.487)
- Trích lập dự phòng	-
- Hoàn nhập dự phòng	-
- Số dư cuối kỳ	(1.320.554.487)

7. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	253.000.210	431.659.919
- Vật tư son chờ kết chuyển	400.850.202	478.903.566
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.491.836.778	756.430.644
Cộng	2.145.687.190	1.666.994.129
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.455.232.954	1.824.330.100
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	481.590.875	617.484.623
Cộng	1.936.823.829	2.441.814.723

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.539.688.456	-	-	8.539.688.456
Máy móc, thiết bị	5.838.477.868	-	-	5.838.477.868
Phương tiện vận tải	9.383.808.182	6.145.087.354	3.690.895.364	11.838.000.172
Thiết bị, dụng cụ quản lý	497.964.472	-	-	497.964.472
Cộng	24.259.938.978	6.145.087.354	3.690.895.364	26.714.130.968
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.488.474.565	314.164.812	-	5.802.639.377
Máy móc, thiết bị	1.618.517.985	466.492.718	-	2.085.010.703
Phương tiện vận tải	1.014.135.014	909.479.715	638.160.470	1.285.454.259
Thiết bị, dụng cụ quản lý	345.313.592	18.566.364	-	363.879.956
Cộng	8.466.441.156	1.708.703.609	638.160.470	9.536.984.295
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.051.213.891			2.737.049.079
Máy móc, thiết bị	4.219.959.883			3.753.467.165
Phương tiện vận tải	8.369.673.168			10.552.545.913
Thiết bị, dụng cụ quản lý	152.650.880			134.084.516
Cộng	15.793.497.822			17.177.146.673

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.097.762.813 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	284.850.000	-	-	284.850.000
Cộng	84.307.324.623	-	-	84.307.324.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	284.850.000	-	-	284.850.000
Cộng	284.850.000	-	-	284.850.000
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	-			-
Cộng	84.022.474.623			84.022.474.623

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

10. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty con	51.500.000.000	51.500.000.000	-	51.500.000.000	51.500.000.000	-
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000	-	51.500.000.000	51.500.000.000	-

Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến cuối kỳ này
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	97%	97%	35.000.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	55%	55%	16.500.000.000
Cộng			51.500.000.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	4.160.082.912	4.160.082.912	8.261.519.337	8.261.519.337
- Công ty TNHH Minh Long	6.124.701.225	6.124.701.225	392.890.700	392.890.700
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	4.427.958.000	4.427.958.000	5.479.078.000	5.479.078.000
+ Công ty CP ô tô Phú Mỹ	-	-	724.394	724.394
+ Công ty CP ô tô Nha Trang	125.942.363	125.942.363	858.775.983	858.775.983
- Các đối tượng khác	2.422.355.512	2.422.355.512	1.669.611.387	1.669.611.387
Cộng	17.261.040.012	17.261.040.012	16.662.599.801	16.662.599.801

12. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế GTGT phải nộp	42.066.351	848.616.488	867.726.192	22.956.647				
- Thuế TNDN	2.305.057.343	441.108.758	2.042.260.446	703.905.655				
- Thuế TNCN	165.397.100	755.002.297	757.098.740	163.300.657				
- Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-				
Cộng	2.512.520.794	2.049.727.543	3.672.085.378	890.162.959				
b) Phải thu								
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	4.126.029.581	104.409.815.979	107.906.406.217	629.439.343				
Cộng	4.126.029.581	104.409.815.979	107.906.406.217	629.439.343				

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	1.715.049.755	578.310.975
- Trích trước lương tháng 13	1.862.963.094	-
- Chi phí phải trả khác	786.093.089	764.099.323
Cộng	4.364.105.938	1.342.410.298

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

14. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Hồ Chí Minh	95.713.834	95.713.832
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Bà Rịa	-	5.784.954
- Chi hộ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam	3.771.053.677	2.286.853.677
- Phải trả Ông Nguyễn Đăng Hoàng	719.039.641	874.039.641
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	3.041.000.000	-
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	1.050.498.457	1.030.498.458
- Các khoản phải trả khác	2.421.697.309	1.869.948.187
Cộng	11.099.002.918	6.162.838.749

15. Vay và nợ thuê tài chính

Ngắn hạn	Số đầu năm	Trong kỳ		Số cuối kỳ
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	
- NH Ngoại thương (15.1)	113.471.297.376	415.752.999.000	417.921.342.376	111.302.954.000
- NH Công thương (15.2)	-	115.766.485.000	44.350.922.000	71.415.563.000
- NH Bảo Việt	49.882.840.000	156.947.944.000	206.830.784.000	-
- NH Quân đội (15.3)	63.078.889.500	190.401.436.500	189.153.145.750	64.327.180.250
- NH Quốc tế	-	32.481.445.250	32.481.445.250	-
Cộng	226.433.026.876	911.350.309.750	890.737.639.376	247.045.697.250

(15.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0083/KHDN1/17NH ngày 04/5/2017 với tổng hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 03/5/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo.

(15.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh 3 Tp.HCM theo hợp đồng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT906-CITY AUTO ngày 12/4/2017 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/03/2018, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017-HĐTC/NHCT906-CITY AUTO ngày 19/4/2017 và các phụ lục đi kèm với tổng giá trị tài sản thế chấp là 110 tỷ đồng; bao gồm:

- Toàn bộ hàng hóa luân chuyển (bao gồm xe mới, xe cũ, phụ tùng, phụ kiện...);
- Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm;
- Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà bên đi vay có thể nhận được.

(15.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng số 10093.17.110.2711499.TD ngày 22/6/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/5/2018; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 6331.17.110.11499.BĐ ngày 22/6/2017 và các phụ lục thế chấp từng lần phát sinh; bao gồm:

- Hàng hóa là lô xe mới 100% hình thành từ phương án MB tài trợ;
- Hàng hóa là lô xe hiện hữu thuộc sở hữu của bên đi vay;
- Hợp đồng tiền gửi/ Sổ tiết kiệm/ Bất động sản theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải trả như sau:		
- Trích trước chiết khấu được hưởng từ Công ty Ford Việt Nam	-	1.639.083.636
Cộng	-	1.639.083.636

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	1.822.655.026	904.536.540	-	2.727.191.566
- LNST chưa phân phối	8.707.362.808	15.412.933.363	10.356.804.810	13.763.491.361
Cộng	190.530.017.834	16.317.469.903	10.356.804.810	196.490.682.927

	01/01/2017	Tăng	Giảm	30/6/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	2.727.191.566	-	-	2.727.191.566
- LNST chưa phân phối	20.057.563.808	4.717.503.154	-	24.775.066.962
Cộng	202.784.755.374	4.717.503.154	-	207.502.258.528

b) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 180.000.000.000 đồng tương đương 18.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>

18. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	1.016.006.114.538	904.571.694.205
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.375.155.949	45.163.109.334
Cộng	1.069.381.270.487	949.734.803.539
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	11.266.836.363	11.818.182
Cộng doanh thu thuần	1.058.114.434.124	949.722.985.357
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	998.034.506.367	881.749.705.471
Doanh thu bán phụ tùng	6.704.771.808	22.810.170.552
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.171.611.433	44.406.432.198
Doanh thu khác	1.203.544.516	756.677.136
Cộng	1.058.114.434.124	949.722.985.357
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	13.442.730.900	193.002.491
- Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	3.911.832.797	4.812.036.213
- Công ty CP Ô tô Nha Trang	2.347.627.228	17.803.911.440
Cộng	19.702.190.925	22.808.950.144
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn xe đã bán	975.627.949.020	839.719.940.906
- Giá vốn hàng hóa đã bán	4.862.009.134	21.553.216.689
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	30.362.895.162	24.437.308.992
Cộng	1.010.852.853.316	885.710.466.587
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.328.420	18.221.600
Cộng	5.328.420	18.221.600
4. Chi phí hoạt động tài chính		
- Chi phí lãi vay	7.126.248.283	3.942.652.487
Cộng	7.126.248.283	3.942.652.487

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	15.302.202.597	15.036.487.179
- Chi phí khấu hao TSCĐ	778.016.274	547.464.144
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.486.537.967	7.549.610.408
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	15.813.929.447	13.531.153.887
- Chi phí bằng tiền khác	1.737.475.721	2.953.155.968
Cộng	37.118.162.006	39.617.871.586
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.699.612.237	4.748.627.827
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	279.435.230	264.349.530
- Chi phí khấu hao TSCĐ	930.687.335	732.626.427
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.228.689.254	2.703.546.978
- Chi phí bằng tiền khác	976.899.072	579.893.689
Cộng	14.115.323.128	9.029.044.451
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	-	65.176.368
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	15.150.200.632	5.771.683.607
- Thu nhập khác	197.306.777	18.637.536
Cộng	15.347.507.409	5.855.497.501
8. Chi phí khác		
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	589.098.531	-
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	8.556.413	-
- Chi phí khác	137.500.000	84.600.000
Cộng	735.154.944	84.600.000
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.519.528.276	17.212.069.347
Trừ: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	-	(7.123.798.520)
Thu nhập chịu thuế ước tính	3.519.528.276	10.088.270.827
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	703.905.655	2.017.654.166
Thuế TNDN phải nộp bổ sung/(hoàn nhập) kỳ trước	(262.796.897)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	441.108.758	2.017.654.166

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.010.852.853.316	885.710.466.587
- Chi phí nhân công	20.001.814.834	19.785.115.006
- Chi phí khấu hao	1.708.703.609	1.280.090.571
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.715.227.221	10.253.157.386
- Chi phí khác	18.807.739.470	17.328.553.074
Cộng	1.062.086.338.450	934.357.382.624

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	13.442.730.900
		Nhận cung cấp dịch vụ	5.234.622.255
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa	3.911.832.797
		Mua hàng hóa	4.561.512.235
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Bán hàng hóa	2.347.627.228
		Mua hàng hóa	798.150.051
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	1.291.582.000

c/ Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Phải thu	52.817.477.705
		Phải thu ký quỹ	28.034.102.400
		Phải trả	(4.427.958.000)
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Phải thu	138.659.558
		Phải trả	-
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu	9.816.249.343
		Phải trả	(125.942.363)

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu công ty cổ phần và các cổ đông cá nhân.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

Số liệu về các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và tương đương tiền	6.694.619.214	4.772.989.939	6.694.619.214	4.772.989.939
Phải thu khách hàng	100.128.851.625	101.495.301.728	100.128.851.625	101.495.301.728
Trả trước cho người bán	31.010.062.274	11.401.793.584	31.010.062.274	11.401.793.584
Phải thu khác	67.834.864.600	50.256.966.186	67.834.864.600	50.256.966.186
Cộng	205.668.397.713	167.927.051.437	205.668.397.713	167.927.051.437

Công nợ tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	17.261.040.012	16.662.599.801	17.261.040.012	16.662.599.801
Người mua trả tiền trước	12.147.347.228	9.630.321.424	12.147.347.228	9.630.321.424
Vay ngắn và dài hạn	247.045.697.250	226.433.026.876	247.045.697.250	226.433.026.876
Phải trả người lao động	2.534.736.211	5.053.254.234	2.534.736.211	5.053.254.234
Chi phí phải trả	4.364.105.938	1.342.410.298	4.364.105.938	1.342.410.298
Các khoản phải trả khác	11.099.002.918	6.162.838.749	11.099.002.918	6.162.838.749
Cộng	294.451.929.557	265.284.451.382	294.451.929.557	265.284.451.382

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Số liệu so sánh


Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016. Số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước lấy từ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2017



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

